

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P1

Bản án số: 122/2023/HS -ST
Ngày: 26/05/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Minh T1

Ông Đoàn Văn Minh

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hưng- Thư ký Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn P1 T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2023/TLST - HS ngày 08/05/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2023/QĐXXST – HS ngày 15/05/2023; đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân D- Sinh năm: 2002.

HKTT: xã T, huyện Y, tỉnh N.

Chỗ ở: số X xã Y, huyện T, thành phố H.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 12/12

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Nguyễn Văn C

Con bà: Nguyễn Thị D1

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/11/2022 và hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an Hà Nội. (có mặt)

Bị hại: Công ty TNHH V; Địa chỉ trụ sở chính: số X đường B, phường P, quận F, thành phố M; Người đại diện theo pháp luật: Cheung Yiu K – Chức vụ: Tổng Giám Đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Út H, sinh năm 1996; Địa chỉ: xã K, huyện Y, tỉnh N - Chức vụ: Cửa hàng trưởng công ty TNHH V tại Hà Nội. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/9/2022, Công ty TNHH V đã ký hợp đồng tập nghề với Nguyễn Xuân D làm nhân viên bán hàng tập sự, thời hạn từ ngày 05/9/2022 đến 04/12/2022 (D chưa phải là nhân viên chính thức nên chưa được đóng bảo hiểm).

Sau khi ký hợp đồng D được bố trí làm việc tại cửa hàng C, số X KĐT V, phường C, quận N, thành phố H. Trong quá trình tập sự, D được nhân viên phòng nhân sự của Công ty V đào tạo làm công việc hướng dẫn khách vào mua hàng, bán hàng là đồ ăn nhanh cho khách. Nếu khách trả tiền thanh toán bằng tiền mặt thì cất vào két thu ngân của cửa hàng (khi quét sản phẩm, nhập số tiền khách phải trả thì két tiền tự động mở). Ngoài ra hệ thống cửa hàng C còn hỗ trợ khách hàng có nhu cầu nạp tiền vào ví điện tử M thì nhân viên cửa hàng sẽ thực hiện giao dịch cho khách qua hệ thống thanh toán liên kết ví điện tử M. Do công ty TNHH V có ký hết hợp đồng với Công ty Cổ phần dịch vụ di động trực tuyến liên quan đến việc liên kết thanh toán, nạp tiền vào ví điện tử M cho khách. Khi thực hiện giao dịch, nhân viên yêu cầu khách kê khai đầy đủ thông tin vào phiếu nạp tiền M, trong đó gồm: ngày nạp, số điện thoại đăng ký ví điện tử M, số tiền nạp và ký xác nhận. Sau đó nhân viên dựa trên thông tin của khách để nhập vào hệ thống ví M trên máy tính. Khi đúng thông tin của khách, nhân viên nhấn vào mục thanh toán thì hệ thống của ví điện tử M tự động chuyển tiền vào ví điện tử của khách, đồng thời nhân viên thu tiền mặt của khách cho vào két thu ngân. Đến kỳ thanh toán hai công ty sẽ đối soát lại số tiền phát sinh giao dịch nạp tiền ví điện tử M trong kỳ. Công ty TNHH V sẽ thanh toán toàn bộ số tiền đã phát sinh tại cửa hàng C cho Công ty Cổ phần dịch vụ di động trực tuyến. Lợi dụng sở hữu của cửa hàng C từ ngày 12/11/2022 đến ngày 14/11/2022, D đã đăng nhập vào tài khoản ví điện tử M của cửa hàng C để nạp số tiền 107.000.000 đồng vào tài khoản ví điện tử M số điện thoại 098632xxxx của D và vào 14 tài khoản ví điện tử M mà D đã mượn của bạn bè để chiếm đoạt tổng số tiền 107.000.000 đồng cụ thể:

- Ngày 12/11/2022, D vào tài khoản ví điện tử M của cửa hàng C để nạp vào ví điện tử M của D đăng ký số điện thoại 098632xxxx với số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó, D đã chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản ví điện tử M của chị Bùi Thanh H1 (sinh năm: 2002, HKTT: xã L, huyện C, tỉnh D) đăng ký số điện thoại 094345xxxx. Sau khi nhận được tiền, chị H1 chuyển khoản từ ví M sang số tài khoản 0405888xxxx của chị H1 tại Ngân hàng Tiên Phong rồi tiếp tục chuyển số tiền 2.000.000 đồng đến số tài khoản 101856xxxx của D tại Ngân hàng Vietcombank.

- Ngày 13/11/2022, D đã vào tài khoản ví điện tử M của cửa hàng C để nạp và chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH V, như sau:

- +D nạp số tiền 2.000.000 đồng vào ví điện tử M số điện thoại 098632xxxx của D để chiếm đoạt số tiền này.

- + D thực hiện 02 giao dịch nạp tổng số tiền 12.000.000 đồng đến ví điện tử M của anh Nguyễn Trung K2 (sinh năm: 2002, HKTT: xã Y, huyện Y, tỉnh N) đăng ký số điện thoại 097686xxxx. Sau khi nhận tiền, K2 đã chuyển số tiền 11.800.000 đồng vào số tài khoản 101856xxxx của D tại Ngân hàng Vietcombank. Còn số tiền 200.000 đồng D đã trả nợ cho anh K2.

- + D nạp số tiền 5.000.000 đồng vào ví điện tử M của anh Vũ Mạnh P (sinh năm: 2002, HKTT: xã Y, huyện Y, tỉnh N) đăng ký số điện thoại 089873xxxx. Sau đó, anh P đã chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng từ ví M sang số tài khoản 101856xxxx của D tại Ngân hàng Vietcombank.

- + D thực hiện 02 giao dịch nạp tổng số tiền 8.500.000 đồng vào ví điện tử M

của anh Đỗ Thanh H2 (sinh năm: 2003, HKTT: tổ X phường D, quận C, thành phố H) đăng ký số điện thoại 086510xxxx. Sau khi nhận được tiền, anh H2 đã chuyển khoản vào số tài khoản 086510xxxx của anh H2 tại Ngân hàng MBbank rồi chuyển tiếp tục số tiền 8.500.000 đồng đến số tài khoản 101856xxxx của D tại Ngân hàng Vietcombank.

+ D nạp số tiền 4.000.000 đồng vào ví điện tử M của anh Vũ NA (sinh năm: 2002, HKTT: xã H, huyện T, tỉnh H) đăng ký số điện thoại 086508xxxx. Sau đó, anh NA đã chuyển khoản 4.000.000 đồng vào số tài khoản 101856xxxx của D tại Ngân hàng Vietcombank.

+ D nạp số tiền 3.000.000 đồng vào ví điện tử M của anh Phạm Tiến Thành C1 (sinh năm: 2002, HKTT: xã P, huyện K, tỉnh H) đăng ký số điện thoại 039639xxxx. Sau đó, C1 đã chuyển tiền từ ví điện tử M sang số tài khoản 0381005xxxx của anh C1 tại Ngân hàng Tpbank rồi tiếp tục chuyển số tiền 2.700.000 đồng đến số tài khoản 101856xxxx của D tại Ngân hàng Vietcombank. Còn số tiền 300.000 đồng D đã trả nợ cho anh C1.

+ D nạp số tiền 5.000.000 đồng vào ví điện tử M của anh Hoàng Minh P1 (sinh năm: 2002, HKTT: xã Y, huyện Y, tỉnh N) đăng ký số điện thoại 039269xxxx. Sau đó, P1 đã chuyển tiền vào số tài khoản 1903643800xxxx của anh P1 tại Ngân hàng Techcombank rồi tiếp tục chuyển số tiền 4.800.000 đồng đến số tài khoản 101856xxxx của D tại Ngân hàng Vietcombank. Còn số tiền 200.000 đồng D đã trả nợ cho anh P1.

+ D nạp số tiền 5.000.000 đồng vào ví điện tử M của anh Nguyễn Văn V (sinh năm: 2002, HKTT: Xã Y, huyện Y, tỉnh N) đăng ký số điện thoại 038960xxxx. Sau đó, anh V đã chuyển khoản số tiền 4.800.000 đồng đến số tài khoản 101856xxxx của D tại Ngân hàng Vietcombank. Còn số tiền 200.000 đồng D đã trả nợ cho anh V.

+ D nạp số tiền 6.500.000 đồng vào ví điện tử M của anh Đoàn Trung V1 (sinh năm: 2002, HKTT: xã T, huyện V, tỉnh N) đăng ký số điện thoại 038680xxxx. Sau đó, V1 đã chuyển khoản số tiền 6.500.000 đồng đến số tài khoản 101856xxxx của D tại Ngân hàng Vietcombank.

+ D nạp số tiền 5.000.000 đồng vào ví điện tử M của anh Nguyễn Văn Đ (sinh năm: 2003, HKTT: xã N, huyện T, tỉnh B) đăng ký số điện thoại 036220xxxx. Sau đó, Đ đã chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng đến số tài khoản 101856xxxx của D tại Ngân hàng Vietcombank.

+ D thực hiện 02 giao dịch nạp tổng số tiền 10.000.000 đồng vào ví điện tử M của anh Phạm ĐA (sinh năm: 2003, HKTT: xã Đ, huyện P, thành phố H) đăng ký số điện thoại 035368xxxx. Sau khi nhận được tiền, ĐA đã chuyển khoản từ ví điện tử M sang số tài khoản 101856xxxx của D tại Ngân hàng Vietcombank của D số tiền 9.965.000 đồng. Còn số tiền 35.573 đồng, anh ĐA đã nói với D là do bị trừ phí 35.573 đồng, D đồng ý.

+ D thực hiện 02 giao dịch nạp tổng số tiền 15.000.000 đồng vào ví điện tử M của anh Nguyễn Viết T (sinh năm: 2002, HKTT: xã Đ, huyện H, tỉnh T) đăng ký số điện thoại 035351xxxx. Sau khi nhận được tiền, anh T đã chuyển khoản từ ví điện tử M sang số tài khoản 03092029xxxx của anh T1 tại Ngân hàng MBbank rồi tiếp tục chuyển khoản số tiền 15.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng MBbank đến số tài khoản 101856xxxx của D tại Ngân hàng Vietcombank.

+ D thực hiện 04 giao dịch nạp tổng số tiền 20.000.000 đồng vào ví điện tử M của anh Thẩm Ngọc K3 (sinh năm: 2002, HKTT: xã Y, huyện Y, tỉnh N) đăng ký số điện thoại 033777xxxx. Sau đó K3 đã chuyển khoản từ ví điện tử M sang số tài khoản 321320534xxxx của anh K3 tại Ngân hàng Agribank rồi chuyển số tiền 20.000.000 đồng đến khoản đến số tài khoản 101856xxxx của D tại Ngân hàng Vietcombank.

- Khoảng 06 giờ 10 phút ngày 14/11/2022, đang trong ca làm việc của D với anh Đỗ Văn T1 (sinh năm: 2003, HKTT: xã S, huyện Q, thành phố H) thì D có hỏi mượn điện thoại Iphone 6Plus của anh T1 (do điện thoại của D bị hỏng). Do trước đó D đã biết mật khẩu mở khóa màn hình điện thoại của anh T1 là 101xxx. Sau đó, D đã vào tài khoản ví điện tử M của cửa hàng C để nạp số tiền 2.000.000 đồng vào ví điện tử M của anh T1 đăng ký số điện thoại 096972xxxx. Sau khi nạp tiền, D mở ứng dụng ví điện tử M của anh T1 rồi thiết lập mật khẩu bằng vân tay của D và đăng nhập vào tài khoản ví điện tử M của anh T1 và đã thực hiện chuyển tiền từ ví điện tử M của anh T1 đến ví điện tử M của Hà Khánh L đăng ký số điện thoại 038309xxxx với số tiền 2.000.000 đồng để trả tiền mua hàng của chị L trên mạng xã hội Facebook. Sau khi thực hiện xong, D đã xóa mật khẩu vân tay trên ứng dụng điện thoại của anh T1. Đến 06 giờ 30 phút cùng ngày, D đã trả lại điện thoại cho anh T1 (việc D sử dụng điện thoại của anh T1 để chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH V thì anh T1 không biết).

Tổng số tiền Nguyễn Xuân D chiếm đoạt của Công ty TNHH V là 107.000.000 đồng, số tiền này D đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến chiều ngày 14/11/2022, chị Nguyễn Thị Út H là quản lý cửa hàng C kiểm tra thấy bị thiếu tiền trong kết thu ngân nên đã kiểm tra camera phát hiện Nguyễn Xuân D đã thực hiện giao dịch nạp tiền, nhưng không cho tiền mặt vào kết sổ thu ngân nên đã đến Cơ quan Công an để trình báo vụ việc trên.

Đến 19 giờ 50 phút ngày 14/11/2022, Nguyễn Xuân D đã đến Công an phường C, quận N, thành phố H đầu thú và khai nhận hành vi phạm của mình như đã nêu trên.

Ngày 03/4/2023, Công ty Cổ phần Dịch vụ Di Động trực tuyến có Công văn số 06, xác nhận: các giao dịch khách hàng yêu cầu nạp tiền vào ví điện tử M từ ngày 12/11/2022 đến ngày 14/11/2022 tại cửa hàng C, địa chỉ: số X đường H, phường C, quận N, thành phố H đã được Công ty TNHH V thanh toán thành công cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Di Động trực tuyến vào ngày vào 18/11/2022 theo thỏa thuận thanh toán của hai bên.

Đối với Bùi Thanh H1, Nguyễn Trung K2, Vũ Mạnh P, Đỗ Thanh H2, Vũ NA, Phạm Tiến Thành C1, Hoàng Minh P1, Nguyễn Văn V, Đoàn Trung V1, Nguyễn Văn Đ, Phạm ĐA, Nguyễn Viết T, Thẩm Ngọc K3 và Đỗ Văn T1 đều không biết D mượn ví điện tử M để phạm tội nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Vật chứng thu giữ của Nguyễn Xuân D: 01 điện thoại di động màu xám và 01 sim điện thoại Viettel.

Về dân sự: Ngày 09/12/2022, gia đình bị can Nguyễn Xuân D đã bồi thường toàn bộ số tiền 107.000.000 đồng cho Công ty TNHH V và công ty không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 119/CT-VKSNTL ngày 05/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân D về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 điểm b, đ (dẫn chiếu theo điểm a khoản 1) Điều 290 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Xuân D khai nhận hành vi của mình, thành khẩn khai nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện của bị hại không yêu cầu về dân sự do đã nhận đủ tiền bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo nội dung bản cáo trạng, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 290 (dẫn chiếu theo điểm a khoản 1); điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D từ 18- 24 tháng tù tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, các tài liệu khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 12/11/2022 đến ngày 14/11/2022, tại cửa hàng C, số X KĐT V, phường C, quận N, thành phố H thuộc Công ty TNHH V, Nguyễn Xuân D đã có hành vi sử dụng tài khoản ví điện tử M của cửa hàng C để chuyển số tiền 107.000.000 đồng vào ví điện tử M của D và 14 ví điện tử M mà D đã mượn của Bùi Thanh H1, Nguyễn Trung K2, Vũ Mạnh P, Đỗ Thanh H2, Vũ NA, Phạm Tiến Thành C1, Hoàng Minh P1, Nguyễn Văn V, Đoàn Trung V1, Nguyễn Văn Đ, Phạm ĐA, Nguyễn Viết T, Thẩm Ngọc K3 và Đỗ Văn T1 để chiếm đoạt số tiền 107.000.000 đồng của Công ty TNHH V và chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Xuân Kiên đã đủ yếu tố cấu thành tội tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành

vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 290 (dẫn chiếu theo điểm a khoản 1 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, do đó đối với bị cáo cần phải lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đầu thú; Ông bà ngoại bị cáo là người có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét bị cáo không có việc làm ổn định nên miễn cho bị cáo hình phạt bổ sung bằng tiền.

[3] Về bồi thường dân bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả. Bị hại không yêu cầu xem xét.

[4] Vật chứng vụ án:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu màu xám, bị hỏng không lên được nguồn; Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại Viettel.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân D phạm tội: “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm b, đ khoản 2 (dẫn chiếu theo điểm a khoản 1) Điều 290 Bộ luật hình sự; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/11/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu màu xám, bị hỏng không lên được nguồn; Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại Viettel.

(Tình trạng vật chứng trên như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/05/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm và Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị cáo Nguyễn Xuân D phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm .

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhâm

Nơi nhận:

- Tòa án thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- Công an quận Nam Từ Liêm ;
- CCTHADS Q. Nam Từ Liêm ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhâm